

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

**Về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp được chuyển đổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chuyển đổi, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 3. Chủ sở hữu và phân công, phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Nhà nước là chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ. Mỗi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước hoặc thành lập mới chỉ do một tổ chức được phân công, phân cấp dưới đây thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là chủ sở hữu):

1. Thủ tướng Chính phủ hoặc một tổ chức chuyên trách được Chính phủ phân công thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước quy mô lớn, quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) được phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ:

a) Công ty nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; thực hiện nhiệm vụ công ích do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập;

b) Công ty mẹ trong tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước trong mô hình công ty mẹ - công ty con; công ty nhà nước độc lập; công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, nông trường và lâm trường quốc doanh do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập thuộc diện cổ phần hóa nhưng chưa thực hiện chuyển đổi được trước ngày 01 tháng 7 năm 2010.

3. Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi, tổ chức lại từ: công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty mẹ trong tổng công ty nhà nước thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty con, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của công ty mẹ; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ thành lập mới.

4. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ công ty nhà nước độc lập do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, trừ các công ty quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 64, 65 và 66 Luật Doanh nghiệp, Nghị định này và Điều lệ công ty.

6. Các cơ quan quản lý nhà nước không được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế tài chính, phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 4. Chi phí chuyển đổi

1. Chi phí chuyển đổi được hạch toán giảm vốn chủ sở hữu.
2. Nội dung và mức chi phí chuyển đổi do Bộ Tài chính quy định.

Điều 5. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trước chuyển đổi

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có trách nhiệm kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ của doanh nghiệp chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Áp dụng pháp luật có liên quan

1. Việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và việc tổ chức quản lý, hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật về tập đoàn kinh tế nhà nước về quản lý, giám sát và đánh giá của chủ sở hữu Nhà nước đối với công ty mẹ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước của tập đoàn kinh tế nhà nước; về quyền, nghĩa vụ của người đại diện trực tiếp chủ sở hữu Nhà nước tại công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước thì áp dụng theo quy định của pháp luật về tập đoàn kinh tế nhà nước.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI

Điều 7. Đối tượng chuyển đổi

1. Công ty nhà nước độc lập.
2. Công ty nhà nước là công ty mẹ tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty mẹ trong tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong tổng công ty thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con (gọi chung là công ty mẹ).
3. Công ty thành viên hạch toán độc lập của tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế nhà nước.

4. Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước.

5. Công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh.

Điều 8. Điều kiện chuyển đổi

1. Các doanh nghiệp quy định tại Điều 7 Nghị định này được tổ chức lại, chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 7 Nghị định này thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn; được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Công ty mẹ trong tổng công ty thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước và các đối tượng quy định tại khoản 3 và 4 Điều 7 Nghị định này không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nhưng có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, nắm giữ các bí quyết kinh doanh, công nghệ, thông tin của tổng công ty, tập đoàn mà tổng công ty, tập đoàn cần nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính. Trường hợp không còn vốn nhà nước thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung vốn nhà nước; nếu không được bổ sung vốn thì chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 80 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Trường hợp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật quy định phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ (dự kiến) của công ty không thấp hơn vốn pháp định.

2. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này, ngoài điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thể tách thành đơn vị hạch toán độc lập;

b) Việc chuyển đổi đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không gây khó khăn hoặc ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ.

3. Doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa nhưng chưa triển khai thực hiện cổ phần hóa hoặc đang thực hiện theo trình tự, thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty cổ phần nhưng dự kiến đến ngày 01 tháng 7 năm 2010 chưa có quyết định xác định giá trị doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền.

Doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều này sau khi chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải tiếp tục chuyển thành công ty cổ phần theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 9. Trình tự chuyển đổi công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ, công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc tổng công ty nhà nước hoặc tập đoàn kinh tế nhà nước

1. Thông báo kế hoạch và lộ trình chuyển đổi:

Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, người được giao thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu thông báo cho doanh nghiệp về kế hoạch, lộ trình chuyển đổi.

2. Thành lập Ban chuyển đổi doanh nghiệp:

a) Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định thành lập Ban chuyển đổi công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập cho Hội đồng quản trị công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban chuyển đổi doanh nghiệp do mình quyết định thành lập. Hội đồng quản trị công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty quyết định thành lập Ban chuyển đổi doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.

b) Thành phần Ban chuyển đổi doanh nghiệp gồm: Trưởng ban là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; ủy viên thường trực là Kế toán trưởng; ủy viên Ban chuyển đổi doanh nghiệp có thể gồm Chủ tịch Công đoàn cơ sở, các trưởng phòng hoặc ban: đổi mới và phát triển doanh nghiệp, kế hoạch, kinh doanh, tổ chức cán bộ, lao động; có thể mời Bí thư Đảng ủy (chi bộ) tham gia là ủy viên Ban chuyển đổi.

Ban chuyển đổi doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

3. Doanh nghiệp chuyển đổi thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp biết về kế hoạch và lộ trình chuyển đổi trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Xây dựng đề án chuyển đổi, bao gồm:

a) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan đến chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Kiểm kê, phân loại, xác định vốn, tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng.

Tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng bao gồm: tài sản của doanh nghiệp đang sử dụng; tài sản không có nhu cầu sử dụng; tài sản chờ thanh lý; tài sản hao hụt, mất mát và các tổn thất khác về tài sản của doanh nghiệp; tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận vốn góp liên doanh, liên kết; tài sản dôi thừa; các khoản phải thu; các khoản phải trả; các khoản phải thu không có khả năng thu hồi;

c) Lập danh sách, phân loại lao động và phương án sử dụng diện tích đất doanh nghiệp đang quản lý;

d) Lập phương án xử lý tài chính, tài sản; phương án sắp xếp lại lao động; báo cáo tài chính và dự kiến vốn điều lệ.

Doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này không phải lập phương án và thực hiện xử lý tài sản, tài chính, sắp xếp lại lao động, sử dụng đất.

5. Xây dựng mô hình và cơ cấu tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; xây dựng dự thảo điều lệ.

6. Thẩm định, phê duyệt, triển khai thực hiện đề án chuyển đổi và quyết định chuyển đổi:

a) Người quyết định thành lập doanh nghiệp thẩm định và phê duyệt Đề án chuyển đổi do công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ trình;

b) Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước thẩm định và phê duyệt Đề án chuyển đổi do công ty thành viên tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế nhà nước trình;

c) Ban chuyển đổi doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện đề án chuyển đổi.

7. Bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền của chủ sở hữu và các chức danh quản lý, điều hành công ty:

Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ chuyển đổi từ tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành. Các cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu quy định tại Điều 3 Nghị định này bổ nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc công ty.

Đối với các doanh nghiệp tổ chức theo mô hình Hội đồng quản trị thì chủ sở hữu ra quyết định bổ nhiệm lại các thành viên Hội đồng quản trị làm thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

8. Đăng ký kinh doanh.

9. Gửi quyết định chuyển đổi đến các chủ nợ của doanh nghiệp và thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định chuyển đổi, doanh nghiệp phải gửi quyết định chuyển đổi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp.

Điều 10. Trình tự chuyển đổi tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

1. Tổng công ty nhà nước tiến hành việc chuyển đổi theo hình thức công ty mẹ - công ty con đồng thời với việc hình thành công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức lại, chuyển đổi tổng công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con thực hiện theo Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3. Trình tự, thủ tục hình thành công ty mẹ theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc uỷ quyền cho Bộ trưởng quyết định lộ trình và chuyển đổi doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lộ trình và chuyển đổi doanh nghiệp do mình quyết định thành lập và các công ty thành viên tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền.

3. Hội đồng quản trị công ty mẹ, tổng công ty nhà nước quyết định lộ trình và chuyển đổi đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 và 4 Điều 7 Nghị định này.

Điều 12. Nhiệm vụ của doanh nghiệp trong xây dựng đề án chuyển đổi

1. Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập có nhiệm vụ:

a) Rà soát từng đơn vị thành viên, đối chiếu với các điều kiện chuyển đổi; xác định cơ cấu và lập phương án hình thành công ty mẹ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; lập phương án hình thành công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ làm chủ sở hữu và phương án cổ phần hóa các đơn vị thành viên;

b) Kiểm kê, phân loại, xác định các loại vốn, tài sản, công nợ, lao động hiện có và diện tích đất do tổng công ty, từng đơn vị thành viên, các đơn vị dự kiến hình thành công ty mẹ đang quản lý; lập báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển đổi, bao gồm cả tình hình đầu tư, góp vốn của tổng công ty và đơn vị thành viên ở các doanh nghiệp khác;

c) Lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ, sắp xếp lại lao động; phương án chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ, tài sản, vốn, công nợ, lao động sang công ty mẹ; xác định số vốn dự kiến đăng ký thành vốn điều lệ của công ty mẹ; phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan chủ động xử lý theo thẩm quyền những tồn tại về vốn, tài chính và lao động của công ty mẹ khi chuyển đổi theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;

d) Xây dựng dự thảo điều lệ của công ty mẹ, công ty con dự kiến chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 7 Nghị định này có nhiệm vụ:

a) Kiểm kê, phân loại, xác định các loại vốn, tài sản, công nợ, lao động hiện có và diện tích đất do công ty đang quản lý; lập báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển đổi, bao gồm cả tình hình đầu tư, góp vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác;

b) Lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ, sắp xếp lại lao động và diện tích đất sử dụng; phương án chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ, tài sản, vốn, công nợ, lao động, diện tích đất sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; xác định số vốn dự kiến đăng ký thành vốn điều lệ của công ty; phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan chủ động xử lý theo thẩm quyền những tồn tại về vốn, tài chính, lao động và đất đai của công ty khi chuyển đổi theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;

c) Xây dựng dự thảo điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 13. Nguyên tắc xử lý vốn, tài sản, tài chính và lao động khi chuyển đổi

1. Việc xử lý vốn, tài sản, tài chính và lao động của tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập tổ chức lại theo hình thức công ty mẹ - công ty con được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tất cả các tài sản của tổng công ty, đơn vị thành viên của tổng công ty khi chuyển đổi đều được tính bằng giá trị;

b) Tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị thành viên tổng công ty dự kiến chuyển đổi và hình thành công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: doanh nghiệp kiểm kê, phân loại, xác định số lượng, đánh giá thực trạng để chuyển giao sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết: doanh nghiệp chuyển đổi phải thống nhất với người có tài sản cho thuê, cho mượn, gửi giữ hộ, ký gửi, góp vốn liên doanh, liên kết để công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tiếp tục kế thừa các hợp đồng đã ký hoặc thanh lý hợp đồng;

d) Tài sản không có nhu cầu sử dụng, ứ đọng, chờ thanh lý, hao hụt, mất mát, tổn thất: doanh nghiệp nhượng bán, thanh lý, xử lý theo chế độ quản lý hiện hành;

đ) Tài sản di thừa: doanh nghiệp hạch toán tăng vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp;

e) Các khoản nợ phải thu: các đơn vị thành viên tổng công ty dự kiến chuyển đổi và hình thành công ty mẹ có trách nhiệm tiếp nhận các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp chuyển đổi và thu hồi những khoản nợ đến hạn trước khi chuyển đổi. Đến thời điểm chuyển đổi còn nợ tồn đọng phải thu khó đòi thì xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng;

g) Các khoản nợ phải trả: doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải trả cho các chủ nợ theo cam kết, kể cả các khoản nợ thuế, ngân sách, nợ cán bộ, công nhân viên; thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ phải trả không có người đòi, giá trị tài sản không xác định được chủ sở hữu được tính vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp công ty có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn thì được xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng;

h) Doanh nghiệp có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động và sắp xếp lại công ty nhà nước; thực hiện chế độ đối với lao động dôi dư theo nguyên tắc mỗi doanh nghiệp chỉ được Nhà nước cấp kinh phí một lần để giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư; kế thừa mọi quyền, nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Việc xử lý vốn, tài sản, tài chính và lao động của các đối tượng chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tất cả tài sản của công ty khi chuyển đổi đều được tính bằng giá trị;

b) Tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của công ty: doanh nghiệp kiểm kê, phân loại, xác định số lượng, đánh giá thực trạng để chuyển giao sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đất rừng và các tài sản trên đất rừng được chuyển giao nguyên trạng sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Các nguyên tắc quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3. Báo cáo tài chính được đại diện chủ sở hữu phê duyệt là báo cáo tại thời điểm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 14. Xác định vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của công ty mẹ được hình thành từ việc tổ chức lại, chuyển đổi tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập theo hình thức công ty mẹ - công ty con là số vốn nhà nước thực có sau khi xử lý tài chính theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này và ghi trong Điều lệ công ty mẹ.

2. Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập hoặc công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc tổng công ty là số vốn chủ sở hữu thực có sau khi xử lý tài chính theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này và ghi trong Điều lệ công ty.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định vốn điều lệ cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của công ty, người quyết định chuyển đổi doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thống nhất mức vốn điều lệ (điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ) và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu phê duyệt; Điều lệ gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

2. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh.

3. Vốn điều lệ; cách thức điều chỉnh vốn điều lệ.

4. Tên, địa chỉ, quyền và nghĩa vụ của tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu.

5. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty.

7. Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

8. Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên.

9. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh của công ty.

10. Các trường hợp giải thể và thủ tục thanh lý tài sản của công ty.

11. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

12. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật; của người đại diện tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

13. Các nội dung khác do tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty quyết định nhưng không trái pháp luật.

Điều 16. Trình, phê duyệt và thực hiện đề án chuyển đổi

1. Doanh nghiệp chuyển đổi trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Nghị định này đề án chuyển đổi để ra quyết định chuyển đổi.

Nội dung quyết định chuyển đổi gồm:

a) Tên, địa chỉ, số tài khoản của doanh nghiệp được chuyển đổi; tên, địa chỉ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Ngành, nghề kinh doanh;

c) Vốn điều lệ của công ty;

d) Tên và địa chỉ tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu và các cá nhân được bổ nhiệm làm đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu công ty;

đ) Trách nhiệm của công ty đối với việc kế thừa các quyền, nghĩa vụ và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của doanh nghiệp được chuyển đổi.

2. Doanh nghiệp chuyển đổi chịu trách nhiệm thực hiện quyết định chuyển đổi đã được phê duyệt.

Điều 17. Đăng ký kinh doanh

Doanh nghiệp chuyển đổi đăng ký kinh doanh và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải bao gồm quyết định chuyển đổi và các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Đăng ký lại quyền sở hữu tài sản

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải làm thủ tục đăng ký lại quyền sở hữu tài sản đối với tài sản được chuyển từ doanh nghiệp chuyển đổi sang công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký. Việc đăng ký lại quyền sở hữu tài sản không phải chịu lệ phí trước bạ.

Chương III
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU

Điều 19. Áp dụng mô hình và cơ cấu tổ chức quản lý công ty

1. Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ được chuyển đổi từ tổng công ty nhà nước có cơ cấu tổ chức gồm Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các Kiểm soát viên.

Đối với công ty mẹ hoạt động trong các ngành, lĩnh vực đặc thù, cơ cấu tổ chức quản lý của công ty mẹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Đối với các công ty không quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào quy mô, phạm vi địa bàn và số lượng ngành nghề kinh doanh của từng công ty, chủ sở hữu quyết định áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các Kiểm soát viên hoặc theo mô hình Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các Kiểm soát viên; quyết định việc Chủ tịch công ty kiêm hoặc không kiêm Tổng giám đốc.

Mục I
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY THEO
MÔ HÌNH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên tại khoản 1 Điều 68 Luật Doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị thành viên do công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối (nếu có) thông qua việc sử dụng quyền chi phối của công ty tại các doanh nghiệp này.

2. Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa công ty với các doanh nghiệp thành viên (nếu có); các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty.

3. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty.

5. Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ công ty, biên chế bộ máy quản lý.

6. Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có quyền quyết định thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trên cơ sở lương tối thiểu của Nhà nước và nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bình quân thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động, trừ các chức danh là Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của công ty do chủ sở hữu công ty quyết định.

7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc công ty. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với các Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng của công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

8. Cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

9. Quyết định những vấn đề quan trọng sau đối với các công ty con:

a) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty làm chủ sở hữu: quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên hay Chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và mức thù lao hoặc lương đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, việc điều chỉnh vốn điều lệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu công ty; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty;

b) Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần hoặc phần vốn góp chi phối của công ty: chỉ đạo người đại diện của công ty sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của công ty;

c) Đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty tài chính (nếu có): phê duyệt quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp; thông qua dự thảo Điều lệ của công ty tài chính (nếu có) trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

10. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc công ty; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty làm chủ sở hữu, Giám đốc công ty tài chính (nếu có) và người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định này.

11. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty; báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty hoặc tập đoàn kinh tế nhà nước.

12. Quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; danh mục đầu tư, các ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề không có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Phê duyệt các phương án huy động vốn trên mức quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Các quyết định quy định tại khoản 3 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

đ) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

e) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

g) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

h) Quyết định bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc;

i) Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ công ty.

13. Tổ chức thực hiện các quyết định được chủ sở hữu công ty chấp thuận.

14. Báo cáo chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

15. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu công ty và pháp luật về thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình và về sự phát triển của công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc hợp đồng quản lý công ty.

Trường hợp để công ty thua lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc không thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc chỉ tiêu tại hợp đồng quản lý công ty mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận thì tùy theo mức độ, sẽ bị cách chức hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Số lượng thành viên không quá 7 người; chủ sở hữu công ty quyết định số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên. Riêng đối với Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước có từ 05 người đến 09 người.

2. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

e) Tiêu chuẩn khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ công ty nhưng không quá 5 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

4. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty quy định; trong trường hợp này Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Xin từ chức;

d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

đ) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

e) Khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

g) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty.

5. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước người ra quyết định bổ nhiệm và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho công ty và chủ sở hữu công ty, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này; thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp.

6. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty chỉ định trong số các thành viên Hội đồng thành viên. Điều lệ công ty quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ được chuyển đổi từ tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập không kiêm Tổng giám đốc; đối với những công ty khác do chủ sở hữu công ty quyết định.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc phải đảm bảo các điều kiện:

a) Được doanh nghiệp đề nghị kiêm nhiệm và có đơn đề nghị của người dự kiến kiêm nhiệm;

b) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải có sức khỏe và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với cả hai chức danh này;

c) Phải quy định cụ thể và tách bạch trong thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên và của Tổng giám đốc;

d) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải chịu trách nhiệm đối với chức năng, nhiệm vụ và vai trò là Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 23. Tổng giám đốc công ty

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây đối với các đơn vị thành viên:

a) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Hội đồng thành viên; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên;

b) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ nhóm công ty hoặc tập đoàn;

c) Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác.

3. Tổng giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp, các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng ký với Hội đồng thành viên (nếu có).

Điều 24. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu công ty.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý, năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 25. Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm từ một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba năm; số lượng kiểm soát viên tùy thuộc vào quy mô vốn, phạm vi địa bàn và số lượng ngành nghề kinh doanh. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì bổ nhiệm ba kiểm soát viên. Trường hợp bổ nhiệm từ hai kiểm soát viên trở lên thì chủ sở hữu cử một người phụ trách chung để lập kế hoạch công tác, phân công, điều phối công việc của các kiểm soát viên. Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm a, c và đ khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên không chuyên trách hưởng thù lao theo công việc, thời gian làm việc. Các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ;

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy chế giám sát, đánh giá đối với các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Tài chính ban hành.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Hội đồng thành viên và từng thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá, thì những thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm (đối với các đối tượng hưởng lương) và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc thì chỉ được nhận lương của một chức danh.

Mục II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY THEO MÔ HÌNH CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 27. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Chủ tịch công ty có thể kiêm Tổng giám đốc công ty.

Điều lệ công ty quy định Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Chủ tịch công ty có quyền và nhiệm vụ sau :

a) Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty;

b) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty;

c) Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ công ty, biên chế bộ máy quản lý;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc hoặc Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng của công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ;

i) Đề nghị chủ sở hữu công ty chấp thuận các vấn đề quan trọng của công ty quy định tại Điều lệ công ty;

k) Tổ chức thực hiện các quyết định của chủ sở hữu công ty;

l) Báo cáo chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Các quyết định quy định tại điểm c khoản 2 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc;

h) Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Chủ tịch công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định như Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc phải đảm bảo các điều kiện:

a) Được doanh nghiệp đề nghị kiêm nhiệm và có đơn đề nghị của người dự kiến kiêm nhiệm;

b) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải có sức khỏe và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với cả hai chức danh này;

c) Phải quy định cụ thể và tách bạch trong thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch công ty và của Tổng giám đốc;

d) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải chịu trách nhiệm đối với chức năng, nhiệm vụ và vai trò là Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc công ty.

Điều 28. Tổng giám đốc công ty

Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ công ty và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Kiểm soát viên

Số lượng, nhiệm kỳ, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên

Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của công ty hưởng chế độ thù lao, tiền lương và lợi ích khác như thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng quy định tại Điều 26 Nghị định này. Trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc công ty thì chỉ được nhận lương của một chức danh.

Chương IV

QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Điều 31. Nội dung quản lý, giám sát của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chủ sở hữu Nhà nước quản lý, giám sát những nội dung sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

1. Về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động:

a) Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của công ty;

b) Danh mục đầu tư, việc đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề không liên quan tới ngành nghề kinh doanh chính; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

c) Nhiệm vụ cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2. Về vốn và tài chính:

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty;

b) Tình hình đầu tư, nợ và khả năng thanh toán nợ của công ty;

c) Kết quả hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;

d) Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty; tốc độ tăng tiền lương bình quân so với tốc độ tăng năng suất lao động của công ty;

đ) Tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ công ty.

3. Về tổ chức và cán bộ:

a) Việc tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty; chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty; sửa đổi điều lệ công ty; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mục tiêu, nhiệm vụ hoặc hợp đồng quản lý công ty, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Tổng giám đốc công ty.

4. Việc chấp hành các quyết định của chủ sở hữu và Điều lệ công ty.

5. Những nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và trách nhiệm của chủ sở hữu trong giải quyết kiến nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

1. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty với chủ sở hữu:

a) Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh quy định tại khoản 14 Điều 20 Nghị định này và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về: quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc; các vấn đề phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các kiến nghị phê duyệt của Hội đồng thành viên quy định tại khoản 12 Điều 20 của Hội đồng thành viên hoặc của Chủ tịch công ty tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này, Chủ sở hữu phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời công ty.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2010.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2006 về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước có trách nhiệm lập tiên độ, chỉ đạo, tổ chức thực hiện để hoàn thành việc chuyển đổi các công ty nhà nước do mình quản lý thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trước ngày 01 tháng 7 năm 2010. Đối với doanh nghiệp đang thực hiện cổ phần hóa dự kiến được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 thì không chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục cổ phần hóa và đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần sau ngày 01 tháng 7 năm 2010.

2. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có thể áp dụng Nghị định này để chuyển các doanh nghiệp thuộc diện cần nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể vận dụng các quy định của Nghị định này để chuyển các đơn vị sự nghiệp có thu không thuộc diện chuyển thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Các cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu có trách nhiệm chỉ đạo các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi, thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện việc rà soát, điều chỉnh tổ chức quản lý và sửa đổi Điều lệ công ty theo quy định của Nghị định này.

4. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

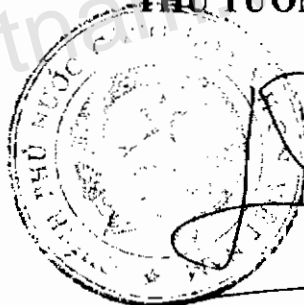
5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi thực hiện Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh các HTX Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (10)Tr 300



Nguyễn Tấn Dũng